ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV); trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng và áp dụng

1. Doanh nghiệp đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định DNNVV theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

2. *Cơ sở ươm tạo DNNVV* là cơ sở cung cấp các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho các tổ chức, cá nhân hoàn thiện ý tưởng kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn mới thành lập.

3. *Tỷ lệ lấp đầy của khu công nghiệp, cụm công nghiệp* là tỷ lệ % của diện tích đất công nghiệp đã cho các tổ chức, cá nhân thuê, thuê lại để sản xuất, kinh doanh trên tổng diện tích đất công nghiệp của khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Trường hợp DNNVV đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Quy định này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

2. Tỉnh Thừa Thiên Huế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được nhận hỗ trợ khi đã thực hiện đầy đủ quy định của Quy định này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Căn cứ vào nguồn lực hỗ trợ, việc hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện trước được hỗ trợ trước.

Chương II
NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 1. HỖ TRỢ CHUNG

Điều 5. Hỗ trợ thủ tục hành chính

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được các cơ quan, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh hỗ trợ:

a) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh.

b) Hỗ trợ miễn phí về hoàn thiện hồ sơ đối với các thủ tục hành chính: đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, đăng ký chứng chỉ hành nghề.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được quyền lựa chọn thực hiện 03 thủ tục: đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký mở tài khoản ngân hàng và đăng ký khắc con dấu tại một nơi duy nhất là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đăng ký doanh nghiệp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (thay vì phải đến 03 cơ quan, đơn vị).

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được được quyền lựa chọn thực hiện 02 thủ tục: đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp tại một nơi duy nhất là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đăng ký đầu tư tại Trung tâm hành chính công tỉnh (thay vì phải đến 02 cơ quan, đơn vị).

4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp miễn phí Thẻ điện tử doanh nghiệp. Khi thực hiện các thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, doanh nghiệp không phải nộp các giấy tờ đã có dữ liệu trong Thẻ điện tử doanh nghiệp. Doanh nghiệp được quyền tra cứu thông tin của mình tại Hệ thống Thông tin doanh nghiệp của tỉnh theo địa chỉ https://dkkdcaphuyen.thuathienhue.gov.vn.

Điều 6. Hỗ trợ tài chính, tín dụng

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được Quỹ Đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng DNNVV tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV), các chi nhánh ngân hàng thương mại, ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng phát triển trên địa bàn tỉnh hỗ trợ xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi để giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV dựa trên tài sản bảo đảm hoặc phương án sản xuất, kinh doanh khả thi hoặc xếp hạng tín nhiệm của DNNVV khi hội đủ các điều kiện sau:

a) Có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay hoặc dựa trên xếp hạng tín nhiệm của Quỹ đối với DNNVV.

b) Có tối thiểu 20% vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh tại thời điểm thẩm định, xem xét bảo lãnh và thể hiện rõ trên báo cáo tài chính của DNNVV.

c) Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, doanh nghiệp không có các khoản nợ thuế từ 01 năm trở lên theo Luật quản lý thuế và nợ xấu tại các tổ chức tín dụng. Trường hợp nợ thuế do nguyên nhân khách quan, doanh nghiệp phải có xác nhận của cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành công trình, bảo lãnh hoạt động dự thầu/đấu thầu tại các chi nhánh ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển trên địa bàn tỉnh và Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV theo quy định của pháp luật.

4. Giao Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh sửa đổi bổ sung cơ chế bảo lãnh tín dụng nêu tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này theo quy định của Chính phủ hướng dẫn Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV chủ trì, phối hợp với các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh thực hiện nội dung hỗ trợ tài chính, tín dụng quy định tại Điều này. Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 7. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất, kinh doanh

1. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp sau đây được áp dụng chính sách hỗ trợ giá thuê mặt bằng:

a) Khu công nghiệp: Phú Đa (huyện Phú Vang), Quảng Vinh (huyện Quảng Điền).

b) Cụm công nghiệp: Bình Điền, Tứ Hạ (thị xã Hương Trà), Thuận An (huyện Phú Vang), Bắc An Gia (huyện Quảng Điền), Điền Lộc (huyện Phong Điền), Vinh Hưng (huyện Phú Lộc), Hương Hòa (huyện Nam Đông), A Co (huyện A Lưới), Thủy Phương (thị xã Hương Thủy).

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (trừ DNNVV có vốn đầu tư nước ngoài, DNNVV có vốn nhà nước) thực hiện hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này đã có đơn vị kinh doanh hạ tầng được tỉnh hỗ trợ giá thuê lại đất như sau:

a) Thời gian, mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ:

- Mức hỗ trợ: 30% giá thuê lại đất trả tiền hàng năm (bao gồm tiền thuê lại đất và phí hạ tầng) nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Giá thuê lại đất làm căn cứ hỗ trợ hàng năm được tính

theo giá tại hợp đồng thuê được ký kết giữa các bên. Riêng cụm công nghiệp Thủy Phương, Tứ Hạ được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ so với các cụm công nghiệp còn lại quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

- Thời gian hỗ trợ: 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê lại đất lần đầu với đơn vị kinh doanh hạ tầng.

- Hình thức hỗ trợ: Chuyển trực tiếp cho đơn vị kinh doanh hạ tầng mà DNNVV ký hợp đồng thuê đất.

Trường hợp DNNVV thuê lại đất theo hình thức trả tiền một lần cho cả thời gian thuê lại đất, mức hỗ trợ, thời gian và hình thức hỗ trợ được thực hiện như quy định trên tại Điểm a Khoản này.

b) Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh chủ trì thực hiện nội dung hỗ trợ mặt bằng sản xuất, kinh doanh quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này (đối với các khu đất thuộc địa bàn các khu công nghiệp, khu kinh tế) và UBND cấp huyện thực hiện (đối với các khu đất thuộc từng địa bàn quản lý của UBND cấp huyện); căn cứ kết quả thực hiện thực tế, tiến hành làm thủ tục giải ngân theo quy định. Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (trừ DNNVV có vốn đầu tư nước ngoài, DNNVV có vốn nhà nước) thực hiện hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này chưa có đơn vị kinh doanh hạ tầng được tỉnh hỗ trợ giá thuê đất như sau:

a) Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ:

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% tiền thuê đất.

- Thời gian hỗ trợ: Sau thời gian được miễn tiền thuê đất theo quy định hiện hành của nhà nước, dự án của DNNVV được hỗ trợ 100% tiền thuê đất thêm 02 năm đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, 04 năm đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động. Riêng cụm công nghiệp Thủy Phương, Tứ Hạ được hỗ trợ 100% tiền thuê đất thêm 01 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất theo quy định hiện hành của nhà nước.

b) Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh chủ trì thực hiện nội dung hỗ trợ mặt bằng sản xuất, kinh doanh quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này (đối với các khu đất thuộc địa bàn các khu công nghiệp, khu kinh tế) và UBND cấp huyện thực hiện (đối với các khu đất thuộc từng địa bàn quản lý của UBND cấp huyện). Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (trừ DNNVV có vốn đầu tư nước ngoài, DNNVV có vốn nhà nước) được tỉnh hỗ trợ:

a) Giảm 30% giá thuê mặt bằng các tòa nhà do nhà nước sở hữu để làm mặt bằng:

- Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin: nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực cho ngành công nghệ thông tin;

thu thập, tạo lập và xử lý dữ liệu số, thông tin số; nghiên cứu sản xuất thiết bị công nghệ số; sản xuất sản phẩm phần mềm và các dịch vụ công nghệ thông tin.

- Giới thiệu, quảng bá và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp an toàn được sản xuất tại địa bàn tỉnh và được chứng nhận bởi cơ quan chức năng về chất lượng và xuất xứ.

- Giới thiệu, quảng bá và kinh doanh các sản phẩm truyền thống do các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh sản xuất.

b) Việc giảm giá thuê mặt bằng quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này được áp dụng sau khi DNNVV thực hiện thủ tục thuê tài sản của nhà nước theo quy định.

c) Sở Tài chính chủ trì thực hiện nội dung hỗ trợ mặt bằng sản xuất, kinh doanh quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này. Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 8. Hỗ trợ đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ

1. Các loại hình công nghệ được hỗ trợ:

a) Công nghệ cao, công nghệ tiến tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ.

b) Công nghệ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của lĩnh vực, ngành, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Điều kiện được hỗ trợ:

Thực hiện đổi mới, cải tiến công nghệ thuộc các loại hình công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều này đã được triển khai tại doanh nghiệp và mang lại hiệu quả.

3. Mức hỗ trợ:

a) Chuyển giao công nghệ độc lập (không kèm thiết bị): Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng mua công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, bí quyết công nghệ.

b) Chuyển giao công nghệ có kèm thiết bị công nghệ:

- Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua thiết bị công nghệ phục vụ duy trì, phát triển thế mạnh của các ngành nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh (trừ địa bàn thành phố Huế và thị xã Hương Thủy);

- Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua thiết bị công nghệ thực hiện dự án cải tiến công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao và cạnh tranh được với giống nhập khẩu.

c) Trường hợp mua thiết bị công nghệ có kèm hợp đồng chuyển giao công nghệ thì hỗ trợ hợp đồng mua công nghệ theo điểm a Khoản 3 Điều này.

d) Hỗ trợ tối đa 30% chi phí thực hiện dự án cải tiến công nghệ quản lý tiên tiến (ISO 14000, ISO 22000, ISO 9001, ISO 27000, GMP, HACCP,...., các tiêu chuẩn hệ thống quản lý khác).

đ) Chuyển giao không thu phí các kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án sử dụng ngân sách của tỉnh cho các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ theo quy định.

e) Kinh phí hỗ trợ quy định tại điểm a, b, c, d khoản 3 Điều này không quá 100 triệu đồng/hợp đồng, không quá một hợp đồng/năm và tổng giá trị hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện nội dung hỗ trợ đổi mới công nghệ quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này; căn cứ nội dung, khối lượng, chất lượng thực hiện các nội dung đề nghị hỗ trợ, tiến hành làm thủ tục giải ngân theo thực tế thực hiện. Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Đối với sở hữu trí tuệ, DNNVV được tỉnh hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 9. Hỗ trợ nguồn nhân lực

1. Lao động làm việc tại các DNNVV được hỗ trợ hoàn toàn kinh phí tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân do các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh tổ chức.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tuyển dụng lao động (từ cấp phó, trưởng bộ phận trở lên) là người có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế (có hợp đồng lao động, đã làm việc trong doanh nghiệp tối thiểu 06 tháng liên tục và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo quy định) được hỗ trợ chi phí tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực kinh doanh, quản trị doanh nghiệp. Nội dung, mức hỗ trợ, thời gian và hình thức hỗ trợ như sau:

a) Nội dung đào tạo: Khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp chuyên sâu. Nội dung và thời lượng đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ theo 03 chuyên đề sau:

- Khởi sự kinh doanh: Tối đa không quá 1,0 triệu đồng/người/khóa và 3,0 triệu đồng/doanh nghiệp/khóa.

- Quản trị doanh nghiệp: Tối đa không quá 1,5 triệu đồng/người/khóa và 3,0 triệu đồng/doanh nghiệp/khóa.

- Quản trị doanh nghiệp chuyên sâu: Tối đa không quá 2,0 triệu đồng/người/ khóa và 4,0 triệu đồng/doanh nghiệp/khóa.

Mỗi lao động được hỗ trợ đào tạo tối đa 01 khóa cho mỗi chuyên đề trong suốt thời gian làm việc tại doanh nghiệp. Mỗi DNNVV được hỗ trợ đào tạo không quá 03 khóa trong suốt quá trình hoạt động.

c) Thời gian hỗ trợ: 05 năm kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

d) Hình thức hỗ trợ: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhu cầu trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp để tổ chức các khóa đào tạo theo quy định.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn chi phí tham gia các phiên giao dịch việc làm để tuyển dụng lao động do các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh tổ chức.

4. Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này, gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên của Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức hỗ trợ cho DNNVV theo quy định. Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Hỗ trợ mở rộng thị trường

1. Công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa được tỉnh hỗ trợ đến 70% chi phí khi tham gia công tác tuyên truyền, quảng bá các mặt hàng xuất khẩu của mình ra thị trường nước ngoài (do các cơ quan chức năng trên địa bàn tổ chức), bao gồm: Chi phí xây dựng và thiết kế nội dung; chi phí biên dịch, phiên dịch, sản xuất, xuất bản và phát hành. Mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa được tỉnh hỗ trợ miễn phí khi tham gia công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa, dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác do các cơ quan chức năng trên địa bàn tổ chức.

2. Tham gia hội chợ triển lãm do các cơ quan chức năng trên địa bàn tổ chức:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa được tỉnh hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng khi tham gia hội chợ triển lãm tại tỉnh, thành phố khác trong nước. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa được tỉnh hỗ trợ đến 100% chi phí thuê gian hàng khi tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài trong hạn mức kinh phí bố trí hàng năm cho Sở Công Thương đối với hoạt động này. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp.

c) Kinh phí hỗ trợ quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều này không quá 01 lượt/doanh nghiệp/năm.

3. Tổ chức các phiên chợ hàng Việt:

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được tỉnh hỗ trợ thông qua đơn vị chủ trì thực hiện Đề án với mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ đến 100% chi phí tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về miền núi;

- Hỗ trợ đến 70% chi phí tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung trên là 150 triệu đồng/01 đợt bán hàng ở miền núi và 105 triệu đồng/01 đợt bán hàng ở nông thôn, khu công nghiệp.

4. Tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị:

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường sản phẩm của cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị với nội dung và mức hỗ trợ như sau:

- Nội dung hỗ trợ: Tư vấn xây dựng các hoạt động truyền thông marketing, quảng bá các thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp trên các Đài Truyền hình, các báo của Thừa Thiên Huế, Trung ương và trên các website có giao dịch quốc tế lớn.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% tổng chi phí nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ miễn phí về hoàn thiện hồ sơ đối với thủ tục chứng nhận chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

5. Hàng năm, Sở Công Thương xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ các nội dung quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này, gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên của Sở Công Thương để tổ chức hỗ trợ cho DNNVV theo quy định. Định kỳ hàng quý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư kết quả thực hiện.

Điều 11. Hỗ trợ thông tin, tư vấn

1. Các thông tin sau đây được công bố trên Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh, Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ:

a) Thông tin kinh tế - xã hội của tỉnh được cập nhật hàng tháng, hàng quý, 6 tháng và hàng năm.

b) Kế hoạch phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển trung hạn và hàng năm của tỉnh.

c) Bản đồ tổng thể các đồ án quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt; thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong và ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

d) Bảng giá đất hàng năm trên địa bàn tỉnh.

đ) Danh mục và thông tin các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh.

e) Thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

h) Các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh; các văn bản pháp luật của trung ương và của tỉnh liên quan đến doanh nghiệp.

i) Các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ 100% phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh phục vụ cho việc nghiên cứu đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ tìm kiếm thông tin doanh nghiệp đối tác (tên, mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh chính; vốn điều lệ) tại bản đồ thông tin doanh nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế https://gis21.thuathienhue.gov.vn/.

4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ miễn phí về tư vấn pháp luật tại các cơ quan, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh.

Mục 2. HỖ TRỢ DNNVV CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH

Điều 12. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

2. Nội dung hỗ trợ bao gồm:

a) Các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 16 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017.

b) Được cấp Giấy phép sử dụng miễn phí 01 năm phần mềm kế toán doanh nghiệp kèm tài liệu hướng dẫn sử dụng. Thời gian áp dụng hỗ trợ trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này được hỗ trợ:

a) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

b) Được cấp Giấy phép sử dụng miễn phí 01 năm phần mềm kế toán doanh nghiệp kèm tài liệu hướng dẫn sử dụng. Thời gian áp dụng hỗ trợ trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ để thực hiện các nội dung hỗ trợ quy định tại Điều này. Định kỳ hàng quý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư kết quả thực hiện.

Mục 3. HỖ TRỢ DNNVV KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 13. Điều kiện hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Đối với doanh nghiệp có sản phẩm đã được đăng ký và xác nhận bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích, thời gian hoạt động không quá 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

2. Chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.

3. Đáp ứng một trong các tiêu chí sau về đổi mới sáng tạo:

a) Có sản phẩm sáng tạo/ý tưởng được vào vòng chung kết của các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo được tổ chức trên địa bàn tỉnh hoặc các địa phương khác trên địa bàn toàn quốc (kể cả các cuộc thi từ các vườn ươm doanh nghiệp, câu lạc bộ khởi nghiệp).

b) Có sản phẩm sáng tạo/ý tưởng đã qua quá trình tuyển chọn, ươm tạo tại các cơ sở ươm tạo DNNVV (có hợp đồng ươm tạo hoặc Giấy tờ chứng nhận đã qua quá trình tuyển chọn, ươm tạo).

c) Có sản phẩm sáng tạo/ý tưởng được các thành viên tại cuộc họp thẩm định liên ngành gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở chuyên ngành liên quan thông qua.

d) Có sản phẩm đã được đăng ký và xác nhận của đơn vị có thẩm quyền về xác nhận đăng ký sở hữu trí tuệ theo các hình thức: bằng sáng chế (độc quyền sáng chế hoặc độc quyền giải pháp hữu ích); kiểu dáng công nghiệp; thiết kế bố trí.

e) Có sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định của Chính phủ.

Điều 14. Hỗ trợ văn phòng làm việc đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. Khu làm việc chung hỗ trợ cá nhân, nhóm cá nhân, DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (sau đây gọi tắt là Khu làm việc chung) là cơ sở phải đảm bảo đầy đủ các dịch vụ cung cấp các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho các tổ chức, cá nhân hoàn thiện ý tưởng kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn mới thành lập; cụ thể phải đảm bảo các tiêu chí sau:

a) Tổng diện tích sàn: tối thiểu 300m^2;

b) Đảm bảo đầy đủ các dịch vụ về cơ sở hạ tầng gồm: Không gian làm việc chung (tối thiểu 100m^2); văn phòng làm việc riêng (tối thiểu 20m^2); khu vực để các startup tiếp khách/đối tác/trưng bày các sản phẩm sáng tạo (tối thiểu 30m^2); phòng họp/làm việc nhóm/đào tạo cỡ nhỏ (sức chứa tối đa 20 người); hội trường lớn (sức chứa tối thiểu 100 người); không gian tự phục vụ cà phê, trà nước, ăn trưa, nghỉ giải lao thư giãn,...;

c) Đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị như: Internet tốc độ cao, router wifi có thể kết nối 100 users cùng lúc; bàn ghế làm việc; máy/màn chiếu, bảng di động, máy in, máy photocopy;...

d) Có tổ chức hoạt động hỗ trợ, ươm tạo các ý tưởng, dự án khởi nghiệp tiềm năng để phát triển thành các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Người đứng đầu của tổ chức hoạt động hỗ trợ, ươm tạo phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 13 Quy định này được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 50% chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung quy định tại Khoản 1 Điều này của tư nhân trong thời hạn 06 tháng, nhưng tối đa không quá 02 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Kinh phí hỗ trợ được chuyển trực tiếp cho đơn vị kinh doanh Khu làm việc chung mà doanh nghiệp ký hợp đồng.

Việc giải ngân kinh phí hỗ trợ được thực hiện một lần tại thời điểm cuối của thời hạn hỗ trợ theo quy định.

b) Giảm 70% chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung của nhà nước trong thời hạn 06 tháng, nhưng tối đa không quá 02 triệu đồng/tháng/ doanh nghiệp.

c) Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này, gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên của Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức hỗ trợ cho DNNVV theo quy định. Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập từ cá nhân, nhóm cá nhân tham gia và đạt giải tại các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh trở lên đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 13 Quy định này vẫn được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư xây dựng, sửa chữa và vận hành dự án Khu làm việc chung được hỗ trợ sau đầu tư như sau:

a) Hỗ trợ 25% kinh phí đầu tư xây dựng, sửa chữa để đưa vào vận hành khai thác dự án Khu làm việc chung. Hình thức hỗ trợ thông qua việc sử dụng ngân sách tỉnh để nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thay cho doanh nghiệp, nhưng mức hỗ trợ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định phải nộp cho nhà nước.

Trường hợp DNNVV không sử dụng đất thuê của nhà nước vẫn được hỗ trợ tối đa 25% kinh phí đầu tư xây dựng, sửa chữa để đưa vào vận hành dự án khai thác Khu làm việc chung nếu đáp ứng điều kiện hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Kinh phí hỗ trợ được giải ngân dần theo từng năm được tính bằng số tiền thuê đất trả hàng năm theo giá nhà nước tại khu vực đề nghị hỗ trợ. Tổng mức hỗ trợ không vượt quá số tiền thuê đất theo giá nhà nước trong suốt thời gian hoạt động của dự án được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

b) Hỗ trợ 25% kinh phí đầu tư sửa chữa các tòa nhà thuộc sở hữu của nhà nước để đưa vào vận hành khai thác dự án Khu làm việc chung. Kinh phí hỗ trợ được trừ vào tiền thuê tài sản thuộc sở hữu của nhà nước, nhưng mức được trừ không vượt quá tiền thuê tài sản phải nộp.

c) Dự án Khu làm việc chung được hỗ trợ theo quy định tại Điểm a và b Khoản 4 Điều này phải được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương trước khi triển khai xây dựng. Mức hỗ trợ quy định tại Điểm a và b Khoản 4 Điều này không quá 2 triệu đồng/m^2 sàn và không quá 2 tỷ đồng/dự án.

d) Sở Tài chính chủ trì thực hiện nội dung hỗ trợ đầu tư xây dựng, sửa chữa và vận hành dự án Khu làm việc chung quy định tại Khoản 4 Điều này. Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 15. Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp sáng tạo

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo được miễn chi phí tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp do các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh tổ chức.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 13 Quy định này được tỉnh hỗ trợ chi phí tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp do các cơ sở ươm tạo DNNVV tổ chức. Nội dung, mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ như sau:

a) Nội dung đào tạo, mức hỗ trợ: Áp dụng theo điểm a và b Khoản 2 Điều 9 Quy định này.

b) Hình thức hỗ trợ: Chuyển trực tiếp cho cơ sở ươm tạo DNNVV mà doanh nghiệp ký hợp đồng.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập từ cá nhân, nhóm cá nhân tham gia và đạt giải tại các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh trở lên đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 13 Quy định này vẫn được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng, dự án khởi nghiệp sáng tạo đạt giải tại các cuộc thi do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hàng năm được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 50% kinh phí để ươm tạo, huấn luyện khởi nghiệp cho các ý tưởng, dự án khởi nghiệp sáng tạo đạt giải tại các cuộc thi do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hàng năm, nhưng không quá 25 triệu đồng/ý tưởng, dự án. Kinh phí

hỗ trợ được chuyển trực tiếp cho cơ sở ươm tạo DNNVV mà doanh nghiệp ký hợp đồng.

b) Hỗ trợ 50% kinh phí cho DNNVV, cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng, dự án khởi nghiệp sáng tạo đạt giải tại các cuộc thi do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hàng năm tham gia các sự kiện khởi nghiệp sáng tạo để tìm kiếm thị trường, kết nối nhà đầu tư, doanh nghiệp; quảng bá sản phẩm, nhưng không quá 05 triệu đồng/năm/ý tưởng, dự án.

5. Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ các nội dung quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này, gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên của Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức hỗ trợ cho DNNVV theo quy định. Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Hỗ trợ tài chính, tín dụng cho khởi nghiệp sáng tạo

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 13 Quy định này tham gia và đạt từ giải ba trở lên tại các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh trở lên được hỗ trợ đầu tư vốn mồi để triển khai dự án khởi nghiệp trong giai đoạn đầu. Mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ như sau:

a) Mức hỗ trợ: Được hỗ trợ đầu tư vốn mồi không quá 25 triệu đồng/doanh nghiệp.

b) Hình thức hỗ trợ: Giá trị của khoản đầu tư sẽ được chuyển đổi thành vốn góp hoặc cổ phần của doanh nghiệp. Doanh nghiệp sẽ hoàn trả khoản đầu tư vốn mồi bằng cách mua lại vốn góp hoặc cổ phần trong vòng 05 năm kể từ ngày tiếp nhận vốn mồi.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập từ cá nhân, nhóm cá nhân tham gia và đạt giải tại các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh trở lên được hỗ trợ như DNNVV quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 13 Quy định này được hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay để thực hiện thương mại hóa các sản phẩm quy định tại Khoản 3 Điều 13 Quy định này, nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp. Mức lãi suất hỗ trợ được tính bằng chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay trung hạn bình quân do ngân hàng nhà nước tỉnh công bố từng thời kỳ với mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo từng thời kỳ.

4. Kinh phí hỗ trợ quy định tại Khoản 1, 2 Điều này được trích từ Quỹ Hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội hoặc Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

5. Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV chủ trì, phối hợp với Quỹ Hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội thực hiện thực hiện nội dung hỗ trợ tài chính, tín dụng cho khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Điều này. Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 17. Hỗ trợ giải thưởng cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo

Cá nhân, nhóm cá nhân, DNNVV tham gia và đạt từ giải ba trở lên tại các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo do UBND tỉnh tổ chức được trao giải thưởng như sau:

a) Giải thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Được thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Thể lệ Cuộc thi "Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Thừa Thiên Huế" theo từng năm.

b) Giải thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Được thực hiện tùy vào kinh phí hỗ trợ trích từ Quỹ Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội hoặc Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ DNNVV. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động hỗ trợ DNNVV.

b) Tổng hợp kết quả hỗ trợ, định kỳ hàng quý báo cáo Ủy ban nhân tỉnh kết quả thực hiện.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết kiến nghị, vướng mắc của các tổ chức, cá nhân trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

d) Tổng hợp các vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Sở Tài chính:

Chủ trì thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV do các cơ quan đề nghị hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên của các cơ quan.

3. Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế căn cứ các nội dung hỗ trợ quy định tại Quy định này để xây dựng và công bố thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật đối với từng nội dung hỗ trợ theo nhiệm vụ được giao; có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận, xử lý các đề xuất của các tổ chức, cá nhân liên quan đến nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị mình, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

Điều 19. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa, cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp, cá nhân, nhóm cá nhân kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3. Thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV.

4. Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

5. Định kỳ hàng quý gửi báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan chủ trì công tác hỗ trợ đối với đề xuất của doanh nghiệp, cá nhân, nhóm cá nhân.

6. Doanh nghiệp, cá nhân, nhóm cá nhân chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ DNNVV của tỉnh theo Quy định này nếu không vi phạm các trách nhiệm quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.

Điều 20. Quy định chuyển tiếp

Kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, hoạt động hỗ trợ DNNVV trước ngày Quy định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt; trường hợp DNNVV đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Quy định này thì được thực hiện theo quy định của Quy định này.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh Quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu gặp vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân, nhóm cá nhân liên quan có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Ký bởi: Uy ban Nhân dân tỉnh
Email: ubndtth@thuathienhue.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thừa Thiên Huế
Thời gian ký: 28.06.2018 18:38:05 +07:00

Phan Ngọc Thọ